

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST.  
Ngày 10/4/2025.  
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Văn Dũng.  
2/ Bà Phạm Hồng Gái.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Thành Trung - kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh **Nguyễn Tiền G**, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt).

***- Bị đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ A, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn anh Nguyễn Tiền G trình bày như sau:***

***- Về hôn nhân:*** Anh Nguyễn Tiền G và chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1993; ngụ tại: ấp S, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố S, thị trấn S, huyện H,

tỉnh Kiên Giang) tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh và chị Mỹ T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/3/2015. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, đến cuối năm 2015 thì anh và chị Mỹ T bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và hai người không có tiếng nói chung nên dẫn đến tình trạng thường xuyên cự cãi nhau. Sau đó anh và chị Mỹ T đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh và chị Mỹ T không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện tại tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Mỹ T không còn nên anh G yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T.

- *Về con chung*: Tại bản tự khai bổ sung ngày 21/3/2025 anh G cho rằng trong quá trình chung sống với nhau giữa anh và chị T có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ý, sinh ngày 04/9/2015; hiện cháu Thanh Ý đang do chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn anh G đồng ý giao cho chị Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh Ý và anh G không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh G và chị T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày ý kiến như sau:***

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị Mỹ T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Nguyễn Thị Mỹ T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự; phía bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng chị Nguyễn Thị Mỹ T vẫn vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Tiền G ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T;

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thanh Ý, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên;

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Nguyễn Tiền G phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án như sau:*

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện anh Nguyễn Tiền G yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T có nơi cư trú tại khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn anh Nguyễn Tiền G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt lần 2. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định: Anh Nguyễn Tiền G và chị Nguyễn Thị Mỹ T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, anh G và chị T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/3/2015. Như vậy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Tiền G và chị Nguyễn Thị Mỹ T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc thường xuyên cự cãi nhau. Theo anh G trình bày anh và chị T đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2015 cho đến nay, trong suốt thời gian sống ly thân, anh G và chị T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Vì vậy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên anh G cương quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T.

Tại bản tự khai bà Đinh Thị Thúy H trình bày: Bà là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Mỹ T; đầu năm 2015 Nguyễn Thị Mỹ T và Nguyễn Tiền G đi đến hôn nhân là do tự nguyện, hai người có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ý, sinh ngày 04/9/2015. Lúc đầu vợ chồng T và G sinh sống ở Bình Dương, sau đó do mâu thuẫn vợ chồng nên T về nhà sinh sống cùng với bà tại nơi cư trú thuộc tổ A, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang và T cũng có đăng ký thường trú tại tổ A, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Những lần Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho T thì bà cũng đều thông báo lại cho T được biết và T cũng có ý kiến giữa T và G đã sống ly thân từ rất lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn được nữa. Chính vì vậy, T cũng đồng ý ly hôn với Nguyễn Tiền G; T yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh Ý và không yêu cầu G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho chị T các thông báo mở phiên họp, tiếp cận công chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vẫn mặt không có lý do. Điều này cho thấy chị T cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị với anh G. Từ đó thấy rằng cuộc sống vợ chồng của chị T và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX thống nhất chấp nhận cho anh Nguyễn Tiền G được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Anh Nguyễn Tiền G xác định quá trình chung sống với nhau giữa anh và chị Nguyễn Thị Mỹ T có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ý, sinh ngày 04/9/2015. Ly hôn, anh G đồng ý giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thanh Ý. Xét thấy; đây là sự tự nguyện của anh G nên cần thiết ghi nhận. Hơn nữa, từ khi anh G và chị T sống ly thân với nhau thì cháu Thanh Ý được chị T nuôi dưỡng; cháu Thanh Ý được chăm sóc, phát triển bình thường và để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất cũng như tâm sinh lý ở trẻ nên

tiếp tục giao cháu Thanh Ý cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, HĐXX thống nhất tiếp tục giao Nguyễn Thị Thanh Ý cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Anh G xác nhận anh và chị T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Nguyễn Tiền G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiền G ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh Ý, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị T nuôi con; anh G được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Tiền G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được

đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009893 ngày 07/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh G không phải nộp thêm, chị T không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Hồng Điệp**